| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TAM NÔNG**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 22 /2018/HNGĐ-ST<br>Ngày: 25/9/2018<br>"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Thị Đông Cúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Thọ.

Bà Phan Thị Bé Sáu.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Lê Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa***: Bà Hồ Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 25/ 09 /2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2018. Về việc*"Ly hôn, tranh chấp nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐST – HNGĐ, ngày 21 tháng 08 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/09/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đinh Thị B, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: ấp Y, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: anh Lê Văn N, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: ấp Y, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị B có mặt, anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Tại đơn khởi kiện ngày 15/05/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đinh Thị B trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Đinh Thị B (sau đây gọi tắt là chị B) và anh Lê Văn N (sau đây gọi tắt là anh N) quen biết và tự tìm hiểu nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết

hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N thường xuyên đánh đập chị khi có mâu thuẫn, không quan tâm vợ con. Chị và anh N đã ly thân từ giữa năm 2017 đến nay, hiện chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Mặc dù đã sống ly thân nhưng anh N vẫn thường xuyên đến nhà cha mẹ ruột chị để đánh đập chị phải nhiều lần nhập viện điều trị, lần anh N đánh chị gần đây nhất vào ngày 13/7/2018. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn N.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị và anh N có với nhau một người con chung Lê Văn Trung T, sinh ngày 14/5/2017, hiện nay con chung đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, chị B vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, không có ý kiến gì thêm

**- Bị đơn anh Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa.**

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nữa không có văn bản ý kiến gởi đến Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét chị B khởi kiện xin ly hôn với anh N hiện nay đang trú tại ấp Y, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh N biết về nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh N, sau đó niêm yết, tống đạt các thủ tục tố tụng cho anh N đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đến nay anh N không có mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu trên. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị B có đơn xin ly hôn với anh N và yêu cầu được nuôi con chung, tài sản chung không có, nợ chung không có nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: " Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Điều 56, Điều 58, Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về nội dung: Anh N và chị B tự nguyện tìm hiểu nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị đã có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống với nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh N thường xuyên đánh đập chị B, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình mặc dù chị B đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh N vẫn không thay đổi. Đến giữa năm 2017 thì vợ chồng ly thân với nhau cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh N và chị B ly thân từ giữa năm 2017 đến nay, vợ chồng anh chị không tự hàn gắn lại được, gia đình hai bên cũng không hàn gắn cho anh chị. Mặt khác, anh N không có ý kiến đối với yêu cầu của chị B và cũng không đến Tòa án theo các lần triệu tập nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho anh chị. Điều đó chứng minh anh N không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị B. Nay chị B cương quyết ly hôn với anh N. Xét thấy hôn nhân của vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn chị B là hoàn toàn chính đáng, phù hợp. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh N.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống thì chị B và anh N có một người con chung Lê Văn Trung T, sinh ngày 14/5/2017, hiện nay con chung đang sống với chị B. Sau khi ly hôn chị B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Do trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh N không có ý kiến, tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt, xét thấy từ khi anh chị ly thân đến nay cháu Trung T sống với chị B. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu, căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận theo yêu cầu của chị B. Do đó chị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Văn Trung T, sinh ngày 14/5/2017. Do chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: chị B trình bày không có, trong quá trình giải quyết vụ án anh N không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung giữa chị B và anh N sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[7] Về nợ chung: chị B trình bày không có, trong quá trình giải quyết vụ án anh N không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung giữa chị B, anh N với người khác sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh N. Về con chung chị B được tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Về án phí: chị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị B được ly hôn với anh Lê Văn N.

2/- Về con chung: Chị Đinh Thị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Văn Trung T, sinh ngày 14/5/2017 hiện cháu Tín đang sống với chị Đinh Thị B. Anh Lê Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị Đinh Thị B không yêu cầu). Anh Lê Văn N được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu T, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

3/- Về án phí:

- Chị Đinh Thị B phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đinh Thị Búp đã nộp theo biên lai số BG/2015 ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Chị Đinh Thị B đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Anh Lê Văn N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn. Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Thị Đông Cúc**